

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ G
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – E phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2025

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai V.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thiện Bửu;
- Ông Bùi Minh Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sóc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Văn C, sinh năm 1964.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hoà, xã I, thành phố G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Lê Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 1981 ông và bà Nguyễn Thị Q được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống rất E phúc và có được ba đứa con chung tên Lê Thị Mỹ E, sinh ngày 28/10/1988; Lê Tấn T, sinh ngày 17/02/1993 và Lê Thị

Mỹ V, sinh ngày 10/11/1999. Khoảng 8-9 năm nay vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do ông bị bệnh không đi làm kiếm tiền được. Đến cuối năm 2023 bà Q tự dọn đồ đến nhà con trai là Lê Tấn T ở, chỉ có ông một mình sống trong nhà, nhưng vài ngày bà Q kiểm chuyện chửi ông và lấy đá gạch ném vào nhà. Ông nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

- Về con chung: có 03 đứa con chung tên Lê Thị Mỹ E sinh ngày 28/10/1988; Lê Tấn T sinh ngày 12/02/1993 và Lê Thị Mỹ V ngày 10/11/1999 đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Q: Đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng có tình vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành theo quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án về hôn nhân: Căn cứ Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 8, 9, 19, 51, 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Mục 3 [Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10](#) ngày 09/6/2000 việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình và [Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về hướng dẫn [Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10](#) ngày 09/6/2000 việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn C với bà Nguyễn Thị Q.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Mỹ E, sinh ngày 28/10/1988; Lê Tấn T, sinh năm 12/02/1993 và Lê Thị Mỹ V, sinh ngày 10/11/1993, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện ly hôn và bị đơn bà Nguyễn Thị Q có địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hoà, xã I, thành phố G, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố G theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Ông Lê Văn C yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Q. Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo giữa ông C và bà Q sống chung với nhau vào năm 1981 không có đăng ký kết hôn nhưng ông C và bà Q sống chung như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là phù hợp với điểm a Mục 3 [Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10](#) ngày 09/6/2000 và [Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03/01/2001 nên hôn nhân giữa ông C và bà Q là hôn nhân thực tế và xét thấy từ khi Tòa án thụ lý đến ngày mở phiên tòa xét xử, mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng bà Q không tham gia tố tụng tại Tòa, cũng như không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình và phản đối yêu cầu của ông C. Điều đó thể hiện bà Q không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng đối với ông C, điều này chứng minh cuộc sống hôn nhân giữa ông C và bà Q không E phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn C là hoàn toàn phù hợp với quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Q có 03 đứa con chung tên Lê Thị Mỹ E sinh ngày 28/10/1988; Lê Tấn T sinh ngày 12/02/1993 và Lê Thị Mỹ V ngày 10/11/1999 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: Ông C trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Ông Lê Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng ông Lê Văn C là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí dân sự, nên ông C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C. Cho ông Lê Văn C ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

2. Về nuôi con chung: có 03 đứa con chung tên Lê Thị Mỹ E sinh ngày 28/10/1988; Lê Tấn T sinh ngày 12/02/1993; Lê Thị Mỹ V ngày 10/11/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Ông C trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông là người cao tuổi.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/02/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. G;
- UBND xã I, TP. G;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai V